

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04/5/2022

V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Thịnh

2. Ông Châu Ngọc Thạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 về: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Minh H, sinh năm 1986

Địa chỉ: số 109/31 đường Phan Chu Trinh, khu phố 1, phường V, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. (Ông Đặng Minh H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1990

Địa chỉ: số 73 đường Nguyễn Trãi, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 28/02/2022, bản tự khai, nguyên đơn ông Đặng Minh H trình bày:*

Ông và bà Trần Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, đời sống chung không hòa hợp, vợ chồng không còn tình cảm và chăm sóc cho nhau, từ tháng 8/2020 không còn chung sống với nhau, việc kéo dài hôn nhân không đem đến hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Trần Thị T.

Về con chung: Ông và bà Trần Thị T không có con chung.

Về chia tài sản khi ly hôn, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, bị đơn bà Trần Thị T trình bày:*

Bà và ông Đặng Minh H tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó đời sống chung của vợ chồng không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên kinh cãi, vợ chồng thiếu tôn trọng ý kiến của nhau, từ tháng 8/2020 không còn chung sống với nhau, bà không còn tình cảm với ông H, việc kéo dài hôn nhân không đem đến hạnh phúc nên bà đồng ý ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông Đặng Minh H không có con chung.

Về chia tài sản khi ly hôn, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn ông Đặng Minh H cung cấp:*

Đơn khởi kiện; bản sao giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy chứng minh nhân dân; bản sao sổ hộ khẩu chủ; bản tự khai; đơn đề nghị Tòa án hòa giải xét xử vắng mặt.

** Tài liệu, chứng cứ của bị đơn Trần Thị T đã nộp Tòa án:* Bản chính giấy chứng nhận kết hôn, bản tự khai, bản photo giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu; đơn đề nghị Tòa án hòa giải vắng mặt.

** Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập:* Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án ly hôn giữa nguyên đơn ông Đặng Minh H, bị đơn bà Trần Thị T- trú tại thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Khánh Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân và gia đình. Nguyên

đơn ông Đặng Minh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về hôn nhân: Ông Đặng Minh H và bà Trần Thị T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố H, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 26/10/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông H và bà T đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên kinh cãi do bất đồng quan điểm, thiếu sự tôn trọng nhau. Ông Đặng Minh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà T. Bà Trần Thị T nhất trí với ý kiến ông H trình bày và đồng ý ly hôn.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Đặng Minh H yêu cầu ly hôn bà Trần Thị T là phù hợp với khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Ông Đặng Minh H và bà Trần Thị T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung: Ông Đặng Minh H và bà Trần Thị T không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về nợ chung: Ông Đặng Minh H và bà Trần Thị T xác nhận không có nợ, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Ông Đặng Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về “Ly hôn” là 300.000 đồng .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Đặng Minh H được ly hôn bà Trần Thị T.
2. Về con chung: Ông Đặng Minh H và bà Trần Thị T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về tài sản chung: Ông Đặng Minh H và bà Trần Thị T không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về nợ chung: Ông Đặng Minh H và bà Trần Thị T xác nhận không có nợ, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí: Ông Đặng Minh H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về “Ly hôn” nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0009011 ngày 02/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Ông Đặng Minh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đặng Minh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc Tòa án niêm yết bản án sơ thẩm.

Bà Trần Thị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND phường V;
- Dương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thu Hằng